

QUAN HỆ VIỆT – TRUNG NGÀY NAY

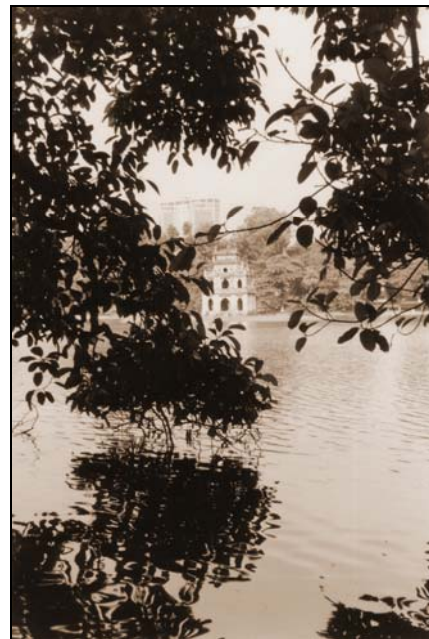
Tướng Daniel SCHAEFFER

Cố vấn chiến lược doanh nghiệp quốc tế (Trung Quốc và Đông Nam Á)

Từ buổi đầu lịch sử, Việt Nam đã trải qua một mối quan hệ sóng gió với người láng giềng phía bắc lớn hơn mình, đó là Trung Quốc mà mục tiêu là cai trị và đồng hoá những nước khác trên thế giới. Tầm nhìn đối với thế giới của Trung Quốc đã biến những nước kề sát với Đế chế Trung Tâm này trở thành phụ thuộc vào nó mà Việt Nam cũng nằm trong đó. Tư tưởng này mang lại những giai đoạn cả căng thẳng lẫn yên ổn giữa hai nước. Một đất nước bé nhỏ như Việt Nam không đủ sức để chống đỡ với những những tranh chấp liên miên về chủ quyền của mình.

Dường như ngày nay mối quan hệ Việt Trung đang nằm trong trạng thái hòa hoãn. Gần đây, Trung Quốc và Việt Nam đã cần đến một môi trường hoà bình và ổn định để phát triển nền kinh tế mỗi nước. Tuy nhiên, Trung Quốc với thế mạnh ngày một tăng không chỉ về mặt kinh tế mà còn về sức mạnh quốc phòng, là đối trọng đối với nước Mỹ, một quốc gia không muốn từ bỏ hỗ trợ cho hòn đảo Đài Loan bất ổn. Kể từ khi chấm dứt thời kỳ thực dân, những người cộng sản Trung Quốc ủng hộ người anh em Việt Nam chống lại Pháp và Mỹ và trước khi bình thường hoá mối quan hệ vào năm 1991, tranh chấp giữa hai quốc gia đã tích tụ: đạt được việc chia cắt Việt Nam thành hai phần theo

vĩ tuyến 17 bằng con đường ngoại giao Trung Quốc trong hội nghị Geneva vào năm 1954; vào năm 1974 Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa là phần đất của Việt Nam được thừa hưởng từ chế độ thực dân Pháp, sự thừa hưởng này không được ghi nhận trong các thoả thuận Geneva; Sự tức giận của Bắc Kinh vào năm 1978 khi Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ Kinh tế (COMECON hay SEV) do Liên bang Xô viết thành lập mà Trung Quốc coi đây là âm mưu và tổ cáo là một liên minh quân sự hòng phá hoại Trung Quốc; Xâm lược của Trung Quốc năm 1979 buộc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia và giảm nhẹ ảnh hưởng quân sự của “bộ đội” lên sự chống cự của người Khmer do Khmer Đỏ đứng đầu; Tấn công hải quân bất ngờ vào tháng 3 năm 1988 lên các vị trí của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa thuộc biển Đông và chiếm 11 đảo; Trung Quốc đòi chiếm toàn bộ biển Đông theo phân định biên giới trong “hiệp ước chín điểm” mà Mao Trạch Đông vạch ra trong hiến chương năm 1949 chỉ để lại cho quốc gia ven biển này phần lãnh hải; xâm lược biên giới đất liền; Trung Quốc từ chối công nhận sự phân chia Vịnh Bắc Bộ theo kinh tuyến 108, phân chia được thừa kế từ thời kỳ thuộc địa. Chính sự bất đồng này mà Trung Quốc và Việt Nam quyết định cùng cố mối quan hệ vào năm 1991, vì Việt Nam đã hoàn toàn bị suy yếu bởi vụ việc



Hồ Hoàn Kiếm – Nằm ngay trung tâm thủ đô Hà Nội, đây là nơi gắn với nhiều huyền thoại cũng như những thăng trầm của lịch sử Việt Nam.

Ảnh : Trần Bằng.

Campuchia và chính sách tập thể thái quá đưa ra vào năm 1986 bị thất bại, Việt Nam cần thời gian để định hướng lại chính sách kinh tế và quốc tế.

Từ năm 1991 đến năm 1999, trên cơ sở nghi ngờ lẫn nhau và tiếp tục có các sự kiện mới ở biển Đông, các cuộc

thương lượng Việt Nam- Trung Quốc tiến triển rất chậm chạp. Tới tận tháng 2 năm 1999, các công việc mới thực sự chuyển động sau cuộc gặp gỡ giữa tổng bí thư hai nước Trung Quốc và Việt Nam, phân định biên giới trên bộ và xác định phương hướng phát triển song phương cho thế kỷ 21. Mỗi quan hệ này phải được dựa trên “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”. Đây là nguyên tắc “16 chữ” được thường xuyên nhắc lại trong tất cả các cuộc thảo luận song phương. Vì vậy, ngày 30 tháng 12 năm 1999, ký hiệp định phân định biên giới trên bộ; cuối tháng 12 năm 2000, ký “Thoả thuận Việt-Trung về phân định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trên Vịnh Bắc Bộ”, cùng với một “thoả thuận về hợp tác đánh cá trên Vịnh Bắc Bộ”; Vào ngày 7 tháng 12 năm 2002, đạt một thoả thuận về hàng không và tổ chức kiểm soát không lưu trên vùng biển Đông. Hơn nữa đề giảm bớt căng thẳng và cố gắng xoa tan những nghi ngờ, tháng 11 năm 2002, Trung Quốc đã đề xuất với các nước thuộc Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) một “Tuyên bố về nguyên tắc ứng xử của các bên đối với khu vực Biển Đông”. Tham gia vào nguyên tắc này, các nước buộc không được sử dụng vũ lực hay có hành động khiêu khích để giải quyết các bất đồng. Nhưng mặt khác, cho tới tận hôm nay, vấn đề về đảo Trường Sa vẫn chưa được giải quyết. Tuy nhiên dựa trên việc áp dụng các quyền về biển như khai thác kinh tế trên các khu vực tranh chấp, Trung Quốc đề xuất với Việt Nam và Philipin cùng tiến hành thăm dò mỏ dầu khí ở vùng biển Đông.

Hai nước này đã cùng tham gia vào đề xuất thông qua việc ký vào hiệp định với Bắc Kinh. Manila ký vào tháng 9 năm 2004 và Hà nội ký vào tháng 3 năm 2005. Đối lại, việc này dẫn đến nguy cơ của sự phản đối từ phía Đài Loan, Malaysia và Brunei vì thực tế này thực sự gạt những nước này khỏi những lợi ích tiềm năng thu được từ những phát hiện có thể thấy qua thăm dò.

Thực sự kể từ năm 1999, căng thẳng đã giảm xuống và mỗi quan hệ được cải thiện từ quan điểm kinh tế. Tuy nhiên, ở mức độ chính trị, là ở tầm chiến lược,

vẫn còn có những hoài nghi. Trong chiến lược “hoà bình trỗi dậy” này, Trung Quốc thực sự không đề cập giá trị của Việt Nam như đối với Mỹ mà Hà Nội đã đạt được rất nhiều kể từ khi bình thường hoá quan hệ ngoại giao vào năm 1996. Trong lĩnh vực quan hệ kinh tế, thương lượng giữa Trung Quốc và Việt Nam để Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương Mại Thế giới đã đem lại hi vọng cho Hà Nội khả năng được chấp nhận vào cuối năm 2005. Các kế hoạch hợp tác phát triển nhờ số lượng các cuộc gặp gỡ và tiếp xúc ngày càng tăng. Tháng 9 năm 2004, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam- Trung Quốc đã được thành lập là kênh trao đổi thông tin các cơ hội kinh doanh.

Trong kế hoạch trao đổi thương mại, Việt Nam hi vọng sẽ tăng xuất khẩu vào Trung Quốc đối với các mặt hàng nông nghiệp và thực phẩm nhờ giảm thuế khi xuất khẩu theo các điều khoản của “Hiệp định thu hoạch sớm” được thông qua giữa Việt Nam và các nước ASEAN.

Trao đổi thương mại đã tăng từ 32 triệu US\$ năm 1991 lên 7,2 tỷ US\$ vào năm 2004, một tiến bộ nhanh chóng dẫn tới ước tính giá trị này sẽ là 10 tỷ US\$ vào năm 2010. Tuy nhiên, cán cân thương mại lại là không cân bằng, thâm hụt thương mại của Việt Nam tăng lên hàng năm, từ 200 triệu US\$ vào năm 2001 lên tới 1,7 tỷ US\$ năm 2004. Xuất khẩu của Trung Quốc vào Việt Nam bao gồm các sản phẩm dầu lửa, máy móc thiết bị, dược phẩm và các thiết bị trong nông nghiệp. Trung Quốc nhập khẩu dầu thô, nguyên liệu thô, hải sản, các mặt hàng cơ bản cho công nghiệp dệt, và cao su (một lĩnh vực đem lại 357 triệu US\$ năm 2004 và có thể lên tới 480 triệu US\$ vào năm 2005).

Việt Nam cũng mua thép từ Trung Quốc nơi sản xuất ra quá nhiều thép trong khi ngốn hết phôi thép của thị trường toàn thế giới. Điều này dẫn đến giá thép tăng, và Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới phải chịu tác động tiêu cực trở lại.

Dự án đáng kinh ngạc nhất là Trung Quốc xuất khẩu điện sang Việt Nam vào năm 2006, cho dù Trung Quốc đang bị thiếu điện kể từ năm 2002 làm ảnh

hưởng tới tính ổn định trong sản xuất công nghiệp của nước này. Cùng với thương mại, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam cũng tăng lên: 259 dự án tính tới tháng 3 năm 2004 với tổng số vốn công bố là 531 triệu US\$. Rất nhiều dự án hợp tác đã được tiến hành và mỗi quan hệ chặt chẽ đã được hàn gắn giữa các tỉnh bắc bộ Việt Nam với các tỉnh biên giới Trung Quốc như Quảng Châu và Vân Nam kề sát với Việt Nam. Trong khuôn khổ này, Trung Quốc và Việt Nam quyết định thành lập hai “hành lang kinh tế”. Chúng được thực hiện bởi một mạng lưới liên lạc rộng rãi nối liền hai tỉnh phía Nam Trung Quốc là Vân Nam và Quảng Châu với miền Bắc Việt Nam đặc biệt là Cảng Hải Phòng.

Hai trong số những tuyến đường bắt đầu từ Quảng Tây đã khánh thành vào tháng 4 năm 2005. Kế hoạch này sẽ được bổ sung bởi việc thiết lập một “vành đai kinh tế của Vịnh Bắc Bộ” giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Bên cạnh hoạt động kinh tế làm cho Trung Quốc có thể hướng tới các cảng của Việt Nam, đặc biệt là cảng Hải Phòng, một phần giao thông gần đây đã hướng sang các cảng ở phía nam Trung Quốc bao gồm các cảng ở Hồng Kông. Điểm đáng chú ý nhất trong thoả thuận tiểu khu vực này là lợi ích chiến lược cho Bắc Kinh.

Thực sự là, nó tạo ra một phương pháp đích thực cho Trung Quốc để thu xếp với Việt Nam một cách chắc chắn. Thông qua biện pháp này, Bắc Kinh sẽ đạt được vài mục đích: kiểm soát gián tiếp Việt Nam để làm dịu bớt những yêu sách ở biển Đông; làm giảm khả năng của Việt Nam tiếp cận với Mỹ, đặc biệt là ở mức quân sự khi Trung Quốc đề mở lựa chọn sử dụng vũ lực để thống nhất Đài Loan; bổ sung quan trọng vào công cụ kinh tế chiến lược mà Bắc Kinh đã đề ra trong gần 20 năm qua ở khu vực phía nam.

Thực tế sự có mặt của Trung Quốc ở Miền Điện đã mở ra nhiều cửa ngõ ra Ấn Độ Dương, cả về mặt kinh tế và chiến lược. Khi tất cả các dự án đang diễn ra này hoàn thành, chúng sẽ làm cho Trung Quốc có thể đảm bảo được

các nguồn lực, đặc biệt là nguồn dầu khí bằng việc ưu tiên mở một tuyến đường bộ thông qua Miến Điện tới Vân Nam. Từ kế hoạch này, cũng dễ dàng qua Việt Nam khi Trung Quốc mở đường ở Hải Phòng mà từ cảng này dầu khí sẽ được vận chuyển tới Quảng Tây và Vân Nam theo khi khai thác được ở biển Đông hay thậm chí ở những nơi khác. Vì vậy mà mối quan hệ Việt Trung giờ đây là mối quan hệ hoà bình tuân theo những lợi ích kinh tế trên hết thay những lợi ích khác.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những mối quan hệ bị bao phủ bởi sự hoài nghi khi xét đến tham vọng của Bắc Kinh, một mặt là tham vọng trở dậy trong sức mạnh kinh tế chính trị của nước này và sự trông cậy vào biện pháp trung lập ngoại giao của các nước trong khu vực có thể kiềm chế được tham vọng này. Trung Quốc vì thế tiếp tục là một đối trọng đối với Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á thậm chí đối với Mỹ.*

* Bài viết là quan điểm cá nhân trong các vấn đề lịch sử và địa chính trị của tướng Schaeffer, hoạt động trong quân đội và tư vấn chiến lược cho các công ty ở nước ngoài. Do vậy, đây không phải là quan điểm ngoại giao (ND).